

CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ (Đơn vị tính: VNĐ)

CHI PHÍ NĂM VIỆN	Chương trình F1	Chương trình F2	Chương trình F3	Chương trình F4	Chương trình F5
Giới hạn trách nhiệm	150,000,000	250,000,000	500,000,000	1,000,000,000	1,500,000,000
Chi phí năm viện	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Chi phí bác sĩ phẫu thuật, tối đa cho 1 năm hợp đồng	25,000,000	50,000,000	100,000,000	Toàn bộ	Toàn bộ
Chi phí bác sĩ gây mê, tối đa cho 1 năm hợp đồng	10,000,000	25,000,000	50,000,000	Toàn bộ	Toàn bộ
Tất cả các chi phí năm viện khác, tối đa cho 1 năm hợp đồng	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Tiền phòng và ăn uống, theo ngày	1,000,000	2,000,000	3,000,000	4,000,000	5,000,000
Phòng sản sóc đặc biệt, theo ngày	3,000,000	6,000,000	9,000,000	12,000,000	15,000,000
Giường cho người nhà, theo ngày (cùng phòng với trẻ em dưới 18 tuổi, tối đa 10 ngày/năm hợp đồng)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	1,000,000	2,000,000
Điều trị ung thư	50,000,000	125,000,000	250,000,000	500,000,000	Toàn bộ
Điều trị nội trú hoặc điều trị trong ngày cho ung thư tại bệnh viện, tối đa cho một năm hợp đồng					
Điều trị trong ngày	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Nhập viện nhưng không ở qua đêm tại bệnh viện, bao gồm phẫu thuật ngoại trú					
Dịch vụ xe cấp cứu	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Dịch vụ vận chuyển cấp cứu đường bộ cần thiết đến và từ Bệnh viện tại địa phương					
Cấy ghép bộ phận	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	500,000,000	Toàn bộ
Đối với thận, tim, gan và tủy xương, tối đa cho từng bệnh lý hay thương tật					
Điều trị trước và sau khi nằm viện	6,000,000	8,000,000	10,000,000	20,000,000	30,000,000
(Chi phí ngoại trú phát sinh ngay trước khi nhập viện và ngay sau khi xuất viện, tối đa cho mỗi lần nằm viện)					
Điều trị trước khi nằm viện - tối đa cho một năm hợp đồng, tối đa 30 ngày liên tục ngay trước khi nhập viện	3,000,000	4,000,000	5,000,000	10,000,000	15,000,000
Điều trị sau khi xuất viện, tối đa cho một năm hợp đồng (tối đa 90 ngày liên tục ngay sau khi xuất viện)	3,000,000	4,000,000	5,000,000	10,000,000	15,000,000
Điều trị tại khoa cấp cứu	5,000,000	10,000,000	15,000,000	Toàn bộ	Toàn bộ
Các dịch vụ được thực hiện tại khoa cấp cứu hoặc phòng cấp cứu của Bệnh viện trong thời gian không quá 24 giờ					
Y tá chăm sóc tại nhà	6,000,000	8,000,000	10,000,000	Toàn bộ	Toàn bộ
Tối đa 182 ngày cho một năm Hợp đồng					
Điều trị nha khoa khẩn cấp	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	50,000,000	100,000,000
Ngay sau khi tai nạn xảy ra với điều kiện rằng chữa trị phải trong tình trạng tốt và là răng thật. Tối đa cho một năm hợp đồng					
Trợ cấp viện công - theo ngày	100,000	200,000	300,000	500,000	1,000,000
Áp dụng với các điều trị nội trú tại bệnh viện công tại Việt Nam					
Tối đa 30 ngày cho một năm hợp đồng					
Vận chuyển y tế cấp cứu/Hồi hương	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Toàn bộ	Toàn bộ
Vận chuyển thi hài về quê quán	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Toàn bộ	Toàn bộ
Trợ cấp mai táng	500,000	1,000,000	2,000,000	3,000,000	5,000,000
Thông tin và hỗ trợ về y tế/pháp luật	24/7	24/7	24/7	24/7	24/7

BẢO HIỂM BỔ SUNG TỰY CHỌN (Đơn vị tính: VNĐ)

CHI PHÍ Y TẾ	Chương trình 01	Chương trình 02	Chương trình 03	Chương trình 04	Chương trình 05
1. Điều trị ngoại trú					
Giới hạn trách nhiệm	10,000,000	15,000,000	20,000,000	35,000,000	100,000,000
Điều trị ngoại trú tổng quát	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Điều trị ngoại trú chuyên khoa (Giới hạn mỗi lần khám)	1,000,000	2,000,000	3,000,000	Toàn bộ	Toàn bộ
Xét nghiệm và chụp X quang (theo chỉ định bác sĩ)	1,000,000	2,000,000	3,000,000	Toàn bộ	Toàn bộ
Thuốc theo đơn kê (theo chỉ định bác sĩ)	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Chữa trị Đông y, nắn xương & châm cứu đông y (Tối đa cho mỗi lần điều trị, tối đa 10 lần điều trị trong năm)	250,000	350,000	450,000	750,000	1,250,000
Vật lý trị liệu và nắn khớp xương (theo chỉ định bác sĩ) (Tối đa cho mỗi lần điều trị, tối đa 15 lần điều trị trong năm)	250,000	350,000	450,000	750,000	1,250,000
Kiểm tra sức khỏe định kỳ/ khám sức khỏe cho việc cấp giấy phép lao động (Tối đa cho một năm hợp đồng)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	1,000,000	2,000,000
Tiêm vắc xin (Tối đa cho một năm hợp đồng)	500,000	500,000	500,000	1,250,000	1,250,000
Chăm sóc thị lực: Kiểm tra thị lực (một lần trong năm, tối đa cho một năm hợp đồng) và 1 đôi kính hoặc 1 đôi kính áp tròng (cho một năm hợp đồng)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	1,000,000	2,000,000
2. Chăm Sóc Nha Khoa (được áp dụng khi mua cùng với điều trị ngoại trú bao gồm 20% đồng chi trả)					
Giới hạn trách nhiệm	10,000,000				
Kiểm tra răng định kỳ (bao gồm cạo vôi & đánh bóng, một lần trong năm, tối đa cho một năm hợp đồng)	2,000,000				
Quyền lợi nha khoa cơ bản (Nhổ răng, trám amalgam, chụp X quang, lấy cao răng)	Toàn bộ				
Quyền lợi nha khoa chủ yếu (Nhổ răng mọc bất thường, lấy tủy, cắt u răng, cắt cuống răng)	Toàn bộ				
3. Thai Sản (được áp dụng khi mua cùng chương trình nội trú)					
Giới hạn trách nhiệm	50,000,000				
Chi phí trước và sau khi sinh, chi phí sinh em bé, chi phí điều trị do hư thai, phá thai vì lý do y tế, hoặc bất kỳ biến chứng nào phát sinh từ việc mang thai, bao gồm chi phí chăm sóc trẻ sơ sinh 30 ngày. Thời gian chờ cho Thai sản là 12 tháng và giới hạn hạn mức như sau:	Toàn bộ				
Giới hạn tối đa trong năm Hợp đồng bảo hiểm đầu tiên kể từ ngày hiệu lực đầu tiên của quyền lợi Thai sản	0				
Giới hạn tối đa trong năm Hợp đồng bảo hiểm thứ hai kể từ ngày hiệu lực đầu tiên của quyền lợi Thai sản	25,000,000				
Giới hạn tối đa trong năm Hợp đồng bảo hiểm thứ ba kể từ ngày hiệu lực đầu tiên của quyền lợi Thai sản	50,000,000				

Chính sách giảm phí bảo hiểm

	Số người được bảo hiểm	Tỷ lệ giảm phí
Giảm phí cho gia đình	Từ 3 thành viên được bảo hiểm trở lên	5%

